**BÀI 14. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP**

**I. Trang trại**

**1. Vai trò**

- Trang trại là một khu vực đất đai có diện tích tương đối rộng lớn, thuộc quyền sử dụng của cá nhân, tổ chức cho mục đích sản xuất nông nghiệp chuyên ngành hoặc hoặc tổng hợp. Trang trại phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí do Nhà nước quy định.

- Trang trại đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế - xã hội và môi trường cũng như sự phát triển nông nghiệp, cụ thể:

+ Góp phần khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư - xã hội,...

+ Thúc đẩy việc khai thác diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất bị hoang mạc hóa vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất; cải thiện môi trường sinh thái.

+ Góp phần thúc đẩy sản xuất theo hướng hàng hóa, qua đó giúp các địa phương quy hoạch, hình thành vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi.

**2. Tình hình phát triển và phân bố**

- Năm 2021, nước ta có 23771 trang trại, trong đó trang trại trồng trọt chiếm 27,4%, trang trại chăn nuôi chiếm 57,8%, trang trại nuôi trồng thuỷ sản chiếm 11,8%. Lao động trong trang trại chủ yếu là chủ trang trại và các thành viên trong gia đình; một số trang trang trại có thuê mướn lao động bên ngoài.

- Trang trại ở nước ta phát triển rộng khắp cả nước, trong đó tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

**3. Xu hướng phát triển**

- Các trang trại ở nước ta đang phát triển theo hướng trang trại hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất

→ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đảm bảo yêu cầu môi trường, đạt chứng nhận tiêu chuẩn sản xuất chất lượng an toàn.

**II. Vùng chuyên canh**

**1. Vai trò**

- Vùng chuyên canh là vùng tập trung phát triển một hoặc một số loại cây trồng gắn với nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất đai, khí hậu,...), từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của công nghiệp chế biến; tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, có khả năng cung cấp cho thị trường.

- Vùng chuyên canh có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp:

+ Góp phần khai thác tốt điều kiện sinh thái nông nghiệp, kinh tế - xã hội khác nhau giữa các vùng.

+ Thúc đẩy nền nông nghiệp hàng hóa, tạo ra sản phẩm xuất khẩu.

+ Tạo ra nguồn nguyên liệu tập trung để phát triển công nghiệp chế biến.

+ Giải quyết việc làm; nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Góp phần áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

**2. Tình hình phát triển và phân bố**

- Vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên:

+ Địa hình bán bình nguyên và cao nguyên, đất đỏ badan

+ Khí hậu có sự phân hóa thành mùa mưa và khô rõ rệt,...

→ tạo điều kiện phát triển các loại cây trồng như cà phê, chè, cao su, hồ tiêu,...

- Vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long

+ Địa hình đồng bằng phẳng

+ Đất phù sa,...

→ phát triển lúa gạo, rau đậu,...

- Vùng chuyên canh cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (vải thiều, cam, đào, lê, mận....), Tây Nguyên (bơ, chuối...), Đông Nam Bộ (bưởi, cam, sầu riêng,...), Đồng bằng sông Cửu Long (xoài, thanh long,...).

- Vùng chuyên canh nuôi trồng thuỷ sản phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long với nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như tôm, cua, cá,…

**3. Xu hướng phát triển**

- Các vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta đang phát triển theo hướng

+ Gắn với công nghiệp chế biến

+ Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ trong sản xuất

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí vùng nguyên liệu nhằm phục vụ truy xuất nguồn gốc, đảm bảo chất lượng nông sản,... đáp ứng nhu cầu cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

**III. Vùng sinh thái nông nghiệp**

**1. Vai trò**

- Vùng sinh thái nông nghiệp là hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta, có sự tương đồng về điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ thâm canh, chuyên môn hóa trong sản xuất.

- Vùng sinh thái nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước.

+ Góp phần sử dụng hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của từng vùng.

+ Là cơ sở hình thành vùng chuyên môn hóa nông nghiệp, thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ trên cả nước.

**2. Tình hình phát triển và phân bố**

Nước ta có 7 vùng sinh thái nông nghiệp.

| **VÙNG** | **ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP** | | **Các sản phẩm nông nghiệp chính** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều kiện sinh thái** | **Điều kiện kinh tế - xã hội** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | - Địa hình: núi, cao nguyên, đồi thấp  - Đất: feralit trên đá phiến, đá vôi, đá gơnai, đất phù sa cổ bạc màu  - Khí hậu: cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh.  - Sinh vật cận nhiệt đới, ôn đới trên núi | - Mật độ dân số tương đối thấp, người dân có kinh nghiệm trong sản xuất lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới.  - Có các cơ sở công nghiệp chế biến  - Điều kiện giao thông tương đối thuận lợi | - Cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới: chè, trẩu, sở, hồi…  - Đậu tương, lạc, rau ôn đới  - Cây ăn quả, cây dược liệu.  - Trâu, bò, lợn |
| Đồng bằng Sông Hồng | - Địa hình: đồng bằng châu thổ  - Đất phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình  - Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. | - Mật độ dân số cao nhất nước, người dân có kinh nghiệm thâm canh lúa  - Mạng lưới đô thị dày đặc  - Các thành phố lớn tập trung nhiều cơ sở công nghiệp chế biến, cơ sở hạ tầng phát triển  - Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh | - Lúa cao sản  - Cây thực phẩm, rau  - Cây ăn quả  - Lợn, bò sữa (ven thành phố lớn), gia cầm  - Thủy sản |
| Bắc Trung Bộ | - Địa hình: có vùng gò đồi trước núi và đồng bằng nhỏ hẹp  - Đất: phù sa, feralit (có cả đất badan)  - Nhiều thiên tai (bão, lụt), gió Lào | - Người dân có kinh nghiệm trong chinh phục tự nhiên, trong nuôi trồng và khai thác thuỷ sản.  - Có một số cơ sở công nghiệp chế biến nông sản  - Giao thông vận tải tương đối thuận lợi | - Cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su) và hàng năm  - Bò, trâu lấy thịt  - Lúa  - Thủy sản |
| Duyên hải Nam Trung Bộ | - Địa hình: đồng bằng hẹp, nhiều vũng, vịnh  - Hạn hán mùa khô | - Người dân có kinh nghiệm trong nuôi trồng và khai thác thuỷ sản.  - Có cơ sở công nghiệp chế biến nông sản  - Có các đô thị dọc ven biển | - Thủy sản  - Bò thịt, lợn  - Cây công nghiệp hàng năm (mía, bông,…) |
| Tây Nguyên | - Địa hình: các cao nguyên badan rộng lớn  - Khí hậu: 2 mùa (mưa, khô), thiếu nước vào mùa khô | - Có nhiều dân tộc sinh sống, trình độ canh tác nông nghiệp đang được nâng lên.  - Công nghiệp chế biến đang phát triển  - Cơ sở hạ tầng giao thông đang được đầu tư | - Cà phê, cao su, chè, dâu tằm, hồ tiêu  - Bò thịt và bò sữa |
| Đông Nam Bộ | - Các vùng đất badan và đất xám phù sa cổ rộng lớn, khá bằng phẳng  - Các vùng trũng có khả năng nuôi trồng thuỷ sản.  - Vùng thiếu nước vào mùa khô. | - Các thành phố lớn nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.  - Vùng tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp  - Giao thông vận tải thuận tiện. | - Cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, điều) và hàng năm (đậu tương, mía)  - Bò thịt, bò sữa và gia cầm  - Thủy sản |
| Đồng bằng sông Cửu Long | - Địa hình: đồng bằng châu thổ, vùng biển nông, ngư trường rộng lớn  - Đất: phù sa sông, phèn, mặn  - Rừng ngập mặn nuôi trồng thủy sản | - Thị trường được mở rộng  - Có các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản  - Giao thông vận tải tương đối thuận lợi | - Lúa chất lượng cao  - Cây ăn quả nhiệt đới  - Cây công nghiệp hàng năm (mía,…)  - Thủy sản  - Gia cầm ( đặc biệt là vịt) |

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây **không** đúngvới quan niệm trang trại ở nước ta?

A. Là khu vực có diện tích tương đối rộng lớn.

B. Thuộc quyền sử dụng của cá nhân, tổ chức.

C. Là hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

D. Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí do Nhà nước quy định.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây **không** đúng với quan niệm vùng chuyên canh ở nước ta?

A. Tập trung phát triển một số cây trồng gắn với tài nguyên thiên nhiên.

B. Sản phẩm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của công nghiệp chế biến.

C. Tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, có khả năng cung cấp cho thị trường.

D. Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí do Nhà nước quy định.

**Câu 3.** Trang trại **không** có vai trò nào sau đây?

A. Thúc đẩy khai thác diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hoá.

B. Góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hoá, hình thành các vùng chuyên canh.

C. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất và cải thiện môi trường sinh thái.

D. Tạo nguồn nguyên liệu tập trung để phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 4.** Vùng sinh thái nông nghiệp **không** có vai trò nào sau đây?

A. Nước ta đã hình thành nhiều vùng sinh thái nông nghiệp.

B. Góp phần sử dụng hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của từng vùng.

C. Là cơ sở để hình thành vùng chuyên môn hoá nông nghiệp.

D. Thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ trên cả nước.

**Câu 5.** Các sản phẩm nông nghiệp chính của vùng sinh thái nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. cây công nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới.

B. cây lương thực, cây thực phẩm, rau quả, chăn nuôi.

C. cây công nghiệp lâu năm: cà phê, cao su, hồ tiêu.

D. lúa chất lượng cao, cây ăn quả nhiệt đới, thuỷ sản.

**Câu 6.** Các sản phẩm nông nghiệp chính của vùng sinh thái nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng là

A. cây công nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới.

B. cây lương thực, cây thực phẩm, rau quả, chăn nuôi.

C. cây công nghiệp lâu năm: cà phê, cao su, hồ tiêu.

D. lúa chất lượng cao, cây ăn quả nhiệt đới, thuỷ sản.

**Câu 7.** Các sản phẩm nông nghiệp chính của vùng sinh thái nông nghiệp Tây Nguyên là

A. cây công nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới.

B. cây lương thực, cây thực phẩm, rau quả, chăn nuôi.

C. cây công nghiệp lâu năm: cà phê, cao su, hồ tiêu.

D. lúa chất lượng cao, cây ăn quả nhiệt đới, thuỷ sản.

**Câu 8.** Các sản phẩm nông nghiệp chính của vùng sinh thái nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long là

A. cây công nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới.

B. cây lương thực, cây thực phẩm, rau quả, chăn nuôi.

C. cây công nghiệp lâu năm: cà phê, cao su, hồ tiêu.

D. lúa chất lượng cao, cây ăn quả nhiệt đới, thuỷ sản.

**Câu 9.** Điều kiện sinh thái phát triển nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. địa hình đồng bằng, đất phù sa, khí hậu có mùa đông lạnh.

B. địa hình núi, cao nguyên; đất feralit; khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi.

C. địa hình có vùng đồi trước núi, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

D. đồng bằng nhỏ hẹp; có nhiều vũng, vịnh; hạn hán nghiêm trọng vào mùa khô.

**Câu 10.** Điều kiện sinh thái phát triển nông nghiệp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. địa hình đồng bằng, đất phù sa, khí hậu có mùa đông lạnh.

B. địa hình núi, cao nguyên; đất feralit; khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi.

C. địa hình có vùng đồi trước núi, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

D. đồng bằng nhỏ hẹp; có nhiều vũng, vịnh; hạn hán nghiêm trọng vào mùa khô

**Câu 11.** Điều kiện sinh thái phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

A. địa hình đồng bằng, đất phù sa, khí hậu có mùa đông lạnh.

B. địa hình núi, cao nguyên; đất feralit; khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi.

C. địa hình có vùng đồi trước núi, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

D. đồng bằng nhỏ hẹp; có nhiều vũng, vịnh; hạn hán nghiêm trọng vào mùa khô.

**Câu 12.** Điều kiện sinh thái phát triển nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. địa hình đồng bằng, đất phù sa, khí hậu có mùa đông lạnh.

B. địa hình núi, cao nguyên; đất feralit; khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi.

C. địa hình có vùng đổi trước núi, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

D. đồng bằng nhỏ hẹp; có nhiều vũng, vịnh; hạn hán nghiêm trọng vào mùa khô.

**Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai**

**Câu 13.** Trong những năm qua, trang trại ở nước ta phát triển mạnh với nhiều quy mô khác nhau. Tính đến năm 2022, cả nước có 19660 trang trại đạt tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xu hướng phát triển trong tương lai của trang trại đạt được nhiều tiêu chí khác nhau.

A. Phát triển trang trại hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

a. Đúng. b. Sai.

B. Chuyển đổi số trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất.

a. Đúng. b. Sai.

C. Sản phẩm đạt chứng nhận tiêu chuẩn sản xuất chất lượng an toàn.

a. Đúng. b. Sai.

D. Phát triển gắn với công nghiệp chế biến sản phẩm.

a. Đúng. b. Sai.

**Câu 14.** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có nhiều điều kiện kinh tế – xã hội để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp độc đáo như chè, trẩu, sở, các cây dược liệu, rau quả ôn đới.

A. Mật độ dân số tương đối thấp, là nơi cư trú của nhiều đồng bào dân tộc, người dân có kinh nghiệm trong trồng cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.

a. Đúng. b. Sai.

B. Mật độ dân số cao nhất cả nước, tập trung nhiều cơ sở công nghiệp chế biến, cơ sở hạ tầng phát triển.

a. Đúng. b. Sai.

C. Người dân có kinh nghiệm trong chinh phục tự nhiên, trong nuôi trồng và khai thác thuỷ sản.

a. Đúng. b. Sai.

D. Người dân có kinh nghiệm trong khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, có các đô thị dọc ven biển.

a. Đúng. b. Sai.